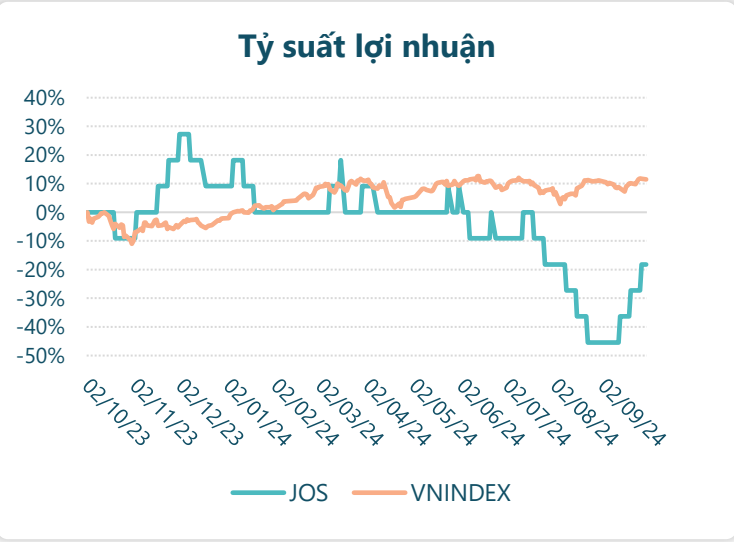


|            |         |         |         |
|------------|---------|---------|---------|
| Ngày       | 900 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |         |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 50.0%   | -10.0%  | -25.0%  |

|                       |             |
|-----------------------|-------------|
| Sàn giao dịch         | UPCOM       |
| Khoảng giá 52 tuần    | 600 - 1,400 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 14          |
| Số lượng CPLH (CP)    | 15,043,161  |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 10,800      |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.4%        |
| Beta                  | (0.22)      |
| EPS                   | -2,963      |
| P/E                   | -0.3        |



Doanh thu thuần  
Q3/24

8.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.09 | -27.4%

YoY: ▼0.20 | -2.4%

Nợ/VCSH  
Q3/24

-170%

YoY: +/-▲ 0.6%

LN gộp  
Q3/24

0.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.39 | 104%

YoY: ▲ 0.25 | 194%

ROE (TTM)  
Q3/24

14.9%

YoY: +/-▼ 0.3%

LN trước thuế  
Q3/24

-0.88

tỷ VNĐ

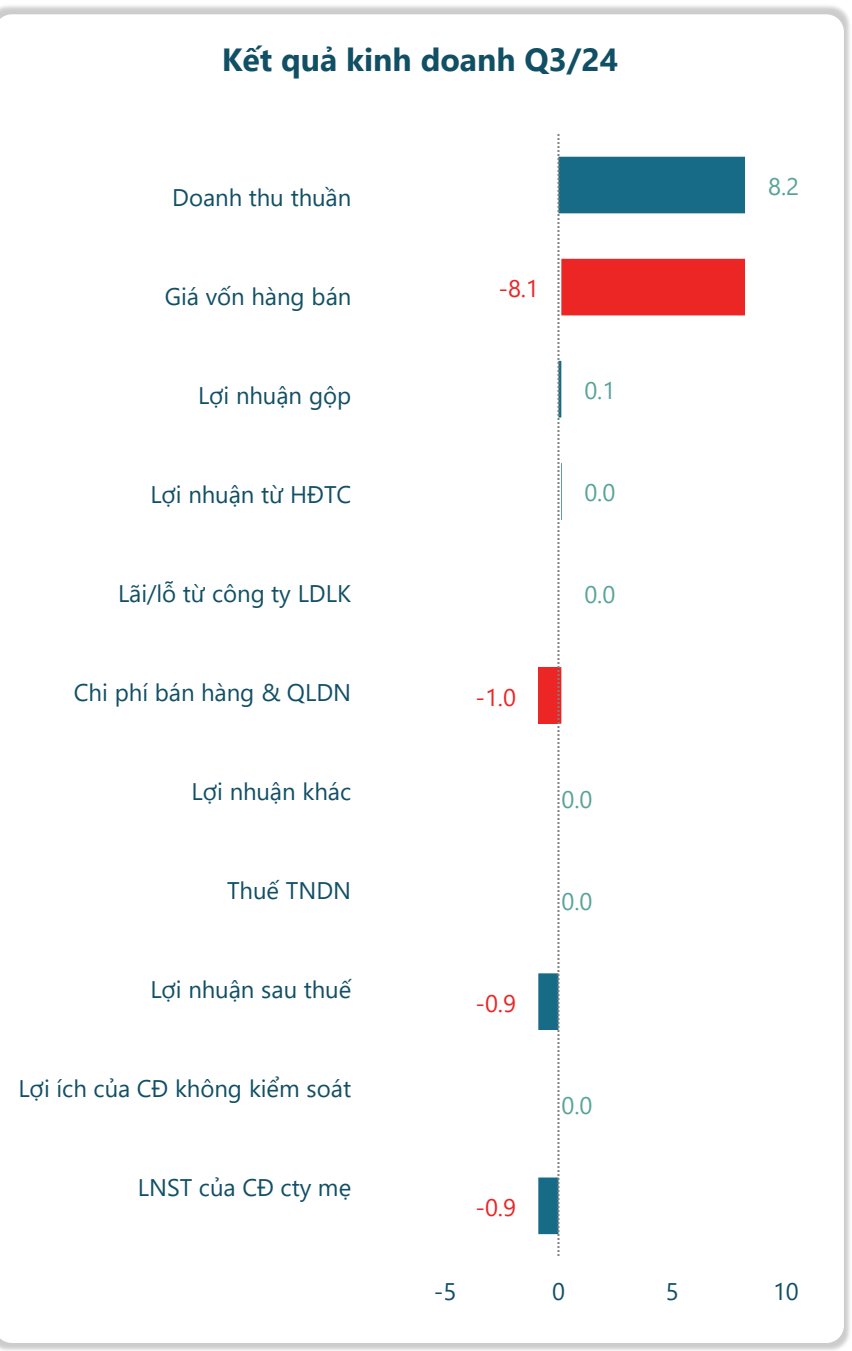
QoQ: ▲ 22.7 | 96.3%

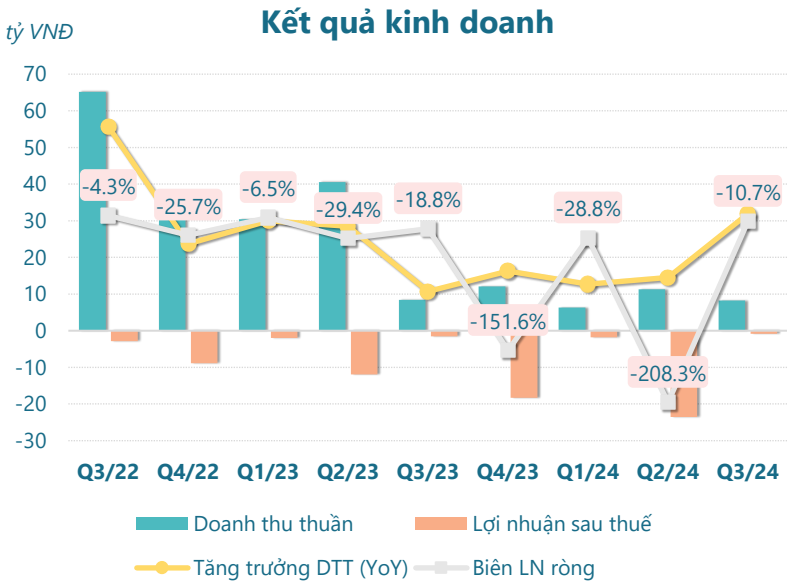
YoY: ▲ 0.70 | 44.2%

ROA (TTM)  
Q3/24

-20.6%

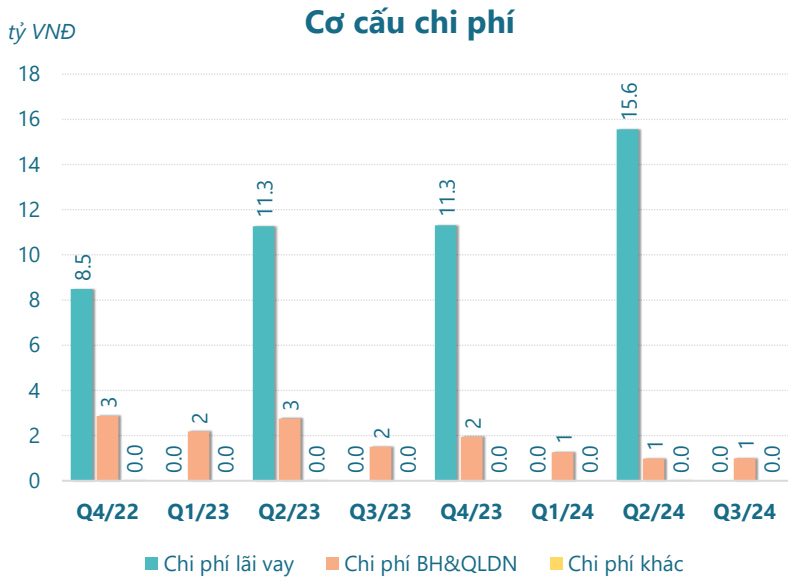
YoY: +/-▼ 0.2%





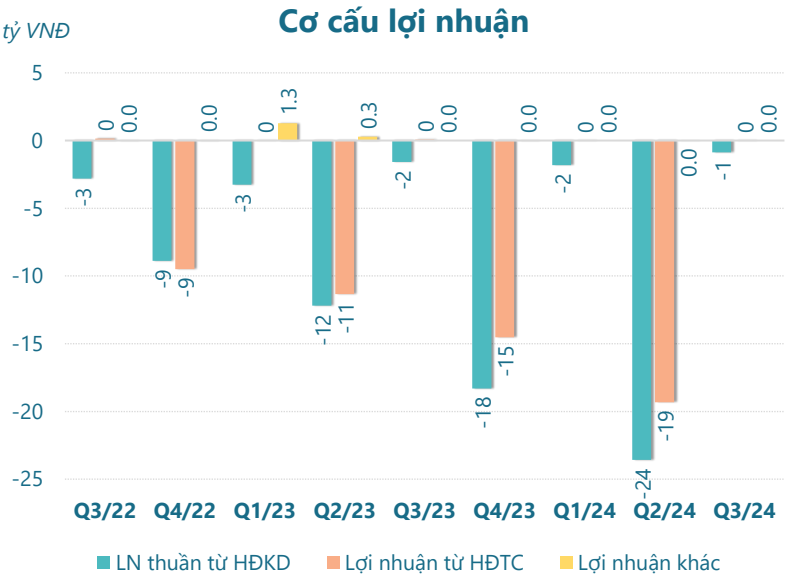
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 22.69 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.70 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **bằng 0** tăng thêm 19.33 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **JOS** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **8.21 tỷ đồng** giảm đi **2.38%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 0.88 tỷ đồng, tăng thêm 0.70 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

**Lũy kế 9 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **26.00 tỷ đồng** thấp hơn 67.1% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 9 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **26.00 tỷ đồng** thấp hơn 67.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -26.00 tỷ đồng** giảm đi



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.00 tỷ đồng** tăng thêm 2.04% so với kỳ trước và thấp hơn 33.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q2/24 | Thay đổi<br>QoQ | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 8.21  | 11.3  | -27.4%          | 8.41  | -2.4%           | 25.8    | 79.3    | -67.4%          |
| Giá vốn hàng bán               | 8.08  | 14.6  | -44.6%          | 8.54  | -5.3%           | 29.5    | 78.7    | -62.5%          |
| Lợi nhuận gộp                  | 0.12  | -3.27 | 104%            | -0.13 | 194%            | -3.71   | 0.68    | -646%           |
| Doanh thu HĐTC                 | 0.00  | 0.72  | -100.0%         | 0.06  | -99.8%          | 0.73    | 0.14    | 414%            |
| Chi phí TC                     | 0     | 20.0  | -100%           | 0.00  |                 | 20.0    | 11.4    | 75.5%           |
| Chi phí lãi vay                | 0     | 15.6  | -100%           | 0.00  |                 | 15.6    | 11.3    | 38.1%           |
| LN trong công ty LKLD          | 0     | 0.00  |                 | 0.00  |                 | 0       | 0       |                 |
| Chi phí bán hàng               | 0.16  | 0.48  | -67.1%          | 0.74  | -78.7%          | 0.93    | 3.38    | -72.4%          |
| Chi phí QLDN                   | 0.84  | 0.50  | 69.0%           | 0.78  | 8.3%            | 2.32    | 3.06    | -24.2%          |
| LN thuần từ HĐKD               | -0.88 | -23.6 | 96.3%           | -1.58 | 44.2%           | -26.3   | -17.0   | -54.2%          |
| Lợi nhuận khác                 | 0     | 0.00  |                 | 0.00  |                 | 0.00    | 1.56    | -100%           |
| LN trước thuế                  | -0.88 | -23.6 | 96.3%           | -1.58 | 44.2%           | -26.3   | -15.5   | -69.7%          |
| Lợi nhuận sau thuế             | -0.88 | -23.6 | 96.3%           | -1.58 | 44.2%           | -26.3   | -15.5   | -69.7%          |
| LNST của CĐ cty mẹ             | -0.88 | -23.6 | 96.3%           | -1.58 | 44.2%           | -26.3   | -15.5   | -69.7%          |

